

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/DS-ST  
Ngày: 10/01/2024  
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay  
tài sản”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Tuyết Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Trương Hoàng Hoa

2/ Ông Nguyễn Văn Vẹn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Mỹ Xuyên - thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 439/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 267/2023/QĐXX-ST ngày 21 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn: Nguyễn Xuân B** - sinh năm: 1977;

Địa chỉ: ấp PT, xã PK, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: **Nguyễn A** – sinh năm 1974;

Địa chỉ: ấp LT, xã LA, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

**\* Bị đơn: Nguyễn Thị Mỹ P** - sinh năm 1980;

Địa chỉ: ấp LP, xã LHL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện uỷ quyền: **Dương Thị Tuyết N** – sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp VH II, xã VT, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Anh A và chị N có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cũng như đại diện uỷ quyền của nguyên đơn anh Nguyễn A trình bày:**

Ông Nguyễn Xuân B có cho bà Nguyễn Thị Mỹ P vay tiền hai lần liên tiếp:

Lần thứ nhất: Ngày 26/10/2020, ông B có cho bà P vay 200.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận bằng lời nói lãi suất 1%/tháng, thời hạn mượn là 60 ngày, tức đến ngày 26/12/2020. Ông B đã giao đủ tiền và bà P đã nhận đủ tiền. Hai bên có lập Giấy mượn tiền, bà P đã ký tên, viết họ tên vào giấy mượn tiền. Đến hạn trả nợ, ông B đã nhiều lần yêu cầu bà P trả nợ, nhưng lần nào bà P cũng hẹn, cho đến nay vẫn chưa đóng lãi suất và trả tiền vốn cho ông B.

Lần thứ hai: Ngày 12/4/2023, ông B có cho bà P vay 70.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận bằng lời nói lãi suất 1%/tháng, thời hạn mượn là 07 ngày, tức đến ngày 19/4/2023. Lần vay tiền này hai bên không lập văn bản, nhưng có ghi âm và ghi hình làm chứng cứ. Đến hạn trả nợ, ông B đã nhiều lần yêu cầu bà P trả nợ, nhưng bà P không thực hiện cũng không có thiện chí thực hiện.

Nay ông B yêu cầu bà P trả lại tổng số vốn vay hai lần là 270.000.000 đồng và tiền lãi 0,83%/tháng (đối với số tiền 200.000.000 đồng thì tiền lãi tính từ tháng 01/2021 đến khi Tòa án xét xử; đối với số tiền 70.000.000 đồng thì tiền lãi tính từ tháng 5/2023 đến khi Tòa án xét xử). Ông B yêu cầu bà P thực hiện trả vốn và lãi một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

***\* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Thị Mỹ P trình bày:***

Tôi và ông B là anh em làm ăn chung. Tôi có vay của ông B 02 lần:

Lần 01: Vào ngày 26/10/2020, tôi có vay của ông B 200.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn trả là 60 ngày, tôi có đóng lãi cho ông B mỗi tháng 12.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 11/2022, tôi có trả cho ông B 100.000.000 đồng, tôi đưa tiền trực tiếp cho ông B. Việc tôi đóng tiền lãi hàng tháng và trả 100.000.000 đồng cho ông B thì hai bên không có làm biên nhận, không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho việc trả tiền này. Giấy mượn tiền ngày 26/10/2020 là do ông B viết, còn bên mượn tiền do tôi ký tên và ghi họ tên.

Lần 02: Đến tháng 4/2023, tôi có vay tiếp của ông B số tiền 70.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn là 07 ngày, nhưng khoảng 15 ngày sau tôi đã trả 70.000.000 đồng cho ông B rồi. Việc tôi trả 70.000.000 đồng cũng không có làm biên nhận nhưng giữa tôi và ông B có nhắn tin qua lại về nội dung là tôi đã trả cho ông B số tiền vốn 70.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông B thì tôi chỉ đồng ý một phần, tôi chỉ đồng ý trả cho ông B 100.000.000 đồng, tôi không đồng ý trả lãi vì từ trước giờ tôi đã trả lãi rồi. Đối với số tiền vốn tôi còn nợ là 100.000.000 đồng thì tôi xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ vì hoàn cảnh của tôi khó khăn.

***\* Tại phiên tòa, đại diện uỷ quyền của nguyên đơn là anh Nguyễn A trình bày:*** ông B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông B yêu cầu bà P trả số tiền vốn 270.000.000 đồng và tiền lãi. Thời gian trả là khi án có hiệu lực pháp luật.

***\* Tại phiên tòa, đại diện uỷ quyền của bị đơn chị Dương Thị Tuyết N trình bày:*** Bà P thừa nhận có vay của ông B 02 lần. Bà P vay của ông B 200.000.000 đồng vào ngày 26/10/2020, có viết giấy mượn tiền, bà P có ký tên và ghi họ tên vào giấy mượn tiền nhưng sau đó thì bà P có trả cho ông B bớt số tiền vốn 100.000.000 đồng và mỗi tháng trả 12.000.000 đồng tiền lãi, việc trả vốn và lãi cho ông B thì bà P không có

tài liệu gì chứng minh nên nay bà P đồng ý trả cho ông B số tiền vốn 200.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày xét xử với lãi suất 0.83% nhưng bà P xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Còn đối với số tiền 70.000.000 đồng thì bà P cũng thừa nhận ngày 12/4/2023 có vay của ông B nhưng sau đó 15 ngày thì bà P đã trả cho ông B, đến thời điểm hôm nay bà P không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh đã trả cho ông B 70.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông B bà chỉ đồng ý một phần, bà đồng ý trả cho ông B số tiền vốn 200.000.000 đồng theo biên nhận ngày 26/10/2020 và trả lãi đối với số tiền vốn vay này theo yêu cầu của ông B.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ông B khởi kiện yêu cầu bà P trả cho ông số tiền vay, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà P là bị đơn có hộ khẩu thường trú: ấp LP, xã LHL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông B, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tiền vốn: Anh B khởi kiện yêu cầu bà P trả số tiền vốn vay 270.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình ông B cung cấp bản chính Giấy mượn tiền ngày 26/10/2020, giấy mượn tiền này do bà P ký tên và ghi họ tên vào mục “Bên mượn”, có thỏa thuận thời hạn trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày làm biên nhận, trong biên nhận thể hiện bà P có vay của anh B số tiền 200.000.000 đồng. Bà P trình bày bà có vay ông B 200.000.000 đồng theo biên nhận ngày 26/10/2020, biên nhận này là do bà ký tên và ghi họ tên nhưng bà P đã trả cho ông B bớt số tiền vốn 100.000.000 đồng và trả lãi 12.000.000 đồng/01 tháng nhưng bà không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh, tuy nhiên, bà P đồng ý trả cho ông B số tiền vốn vay 200.000.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu của anh B. Riêng đối với số tiền vốn vay 70.000.000 đồng thì bà P cũng thừa nhận ngày 12/4/2023 bà có vay của ông B 70.000.000 đồng nhưng sau đó 15 ngày bà đã trả cho ông B, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà P không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh bà đã trả cho ông B số tiền vốn vay 70.000.000 đồng. Còn ông B trình bày bà P không có trả cho ông bất kỳ khoản tiền vốn và tiền lãi nào. Do đó, ông B khởi kiện yêu cầu bà P trả số tiền vốn 270.000.000 đồng là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tiền lãi: Đối với số tiền 200.000.000 đồng ông B yêu cầu tính lãi từ ngày 01/01/2021 đến ngày xét xử, tính chẵn 36 tháng, lãi suất 0.83%/01 tháng tương đương số tiền  $200.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 36 \text{ tháng} = 59.760.000 \text{ đồng}$ . Đối với số tiền 70.000.000 đồng ông B yêu cầu tính lãi từ ngày 01/5/2023 đến ngày xét xử, tính chẵn 08 tháng, lãi suất 0.83%/01 tháng tương đương số tiền  $70.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 08 \text{ tháng} = 4.648.000 \text{ đồng}$ , tổng cộng tiền lãi 64.408.000 đồng. Đối với yêu cầu tính lãi

của ông B phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về thời gian trả nợ: Bà P trình bày do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, đang mang thai không làm ra tiền nên bà không có khả năng trả nợ một lần cho ông B, bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Hội đồng xét xử xét thấy, việc bà P xin trả dần là kéo dài thời gian trả nợ, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông B được pháp luật bảo vệ và cũng không được ông B đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Từ những phân tích trên, ông B khởi kiện yêu cầu bà P có nghĩa vụ trả cho ông số tiền vốn 270.000.000 đồng và tiền lãi 64.408.000 đồng, thời hạn trả khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Do các bên không có ai yêu cầu về thời hiệu khởi kiện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không xem xét về thời hiệu khởi kiện.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của anh B được chấp nhận nên chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng khoản 4 Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 463; Điều 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân B.

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ P có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Xuân B số tiền vốn 270.000.000 đồng và tiền lãi 64.408.000 đồng, thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà P chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

**2.** Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ P chịu 16.720.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Xuân B số tiền 8.235.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0026482 ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

**3.** Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Tuyết Hạnh**

